



CẬP NHẬT QUÝ

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP (GVR: HOSE)

Giá mục tiêu: 36.200 Đồng

Khuyến nghị: KHẢ QUAN

Tăng giá: 28,6%

Ngày 06/08/2026



Giá cao su tăng và thu nhập từ chuyển đổi đất giúp lợi nhuận đạt đỉnh 5 năm trong Q2/2026

GVR hiện đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 2026 là 13,1x, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 3 năm là 21,7x. Chúng tôi duy trì quan điểm tích cực đối với GVR, nhờ quỹ đất cao su lớn nhất cả nước, với tổng diện tích 377.797 ha tập trung tại các tỉnh trọng điểm phía Nam như Bình Dương (cũ), Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu (cũ) và Tây Ninh. Việc chuyển đổi hơn 23.000 ha đất cao su sang phát triển khu công nghiệp (KCN) sẽ mở ra giai đoạn tăng trưởng mới cho công ty. Sau khi giá cổ phiếu đã giảm 24,5% kể từ báo cáo gần nhất, trong khi KQKD Q2 vượt kỳ vọng, chúng tôi nâng khuyến nghị từ TRUNG LẬP lên KHẢ QUAN, với giá mục tiêu 36.200 đồng/cổ phiếu, tương đương tiềm năng tăng giá là 29%.

Luận điểm đầu tư

- Giá cao su duy trì ở mức cao, góp phần hỗ trợ lợi nhuận năm 2026. Tính đến tháng 7/2026, giá cao su đã tăng 26,4% svck và 21% từ đầu năm, chủ yếu do nguồn cung bị gián đoạn bởi yếu tố thời tiết, đặc biệt là lũ lụt tại Thái Lan vào tháng 10/2025. Chúng tôi dự báo doanh thu màng cao su đạt 26,7 nghìn tỷ đồng (+12% svck), nhờ giá bán tăng giúp bù đắp một phần sản lượng tiêu thụ dự kiến giảm 4% svck xuống 513.870 tấn. Biên lợi nhuận gộp dự kiến cải thiện lên 28%, tăng 2 điểm % svck.
- Việc chuyển đổi đất vẫn là động lực tăng trưởng quan trọng. GVR đang đẩy nhanh các thủ tục phê duyệt cho 23.444 ha đất KCN đến năm 2030, tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam. Trong năm 2026, chúng tôi dự báo doanh thu đền bù đất đạt 3,2 nghìn tỷ đồng (+875% svck) và lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 2,63 nghìn tỷ đồng, dựa trên giả định khoảng 1.500 ha đất chuyển đổi tại Đồng Nai và Bình Dương (cũ).
- Bảng cân đối kế toán lành mạnh tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận. Tính đến cuối Q2/2026, GVR ghi nhận tiền mặt ròng đạt 26,2 nghìn tỷ đồng, tương đương 23,6% giá trị vốn hóa. Chúng tôi kỳ vọng vị thế tiền mặt dồi dào sẽ giúp công ty ghi nhận doanh thu tài chính cao hơn trong bối cảnh lãi suất tiền gửi có xu hướng tăng.

Điểm nhấn KQKD Q2/2026

- GVR ghi nhận mức lợi nhuận Q2 cao nhất trong 5 năm qua, chủ yếu nhờ màng cốt lõi là khai thác cao su tự nhiên, và đóng góp từ thanh lý gỗ cao su và các khoản đền bù liên quan đến vườn cây cao su. Doanh thu thuần đạt 7,09 nghìn tỷ đồng (+17,9% svck), trong khi lợi nhuận sau thuế tăng 48,0% svck lên 2,5 nghìn tỷ đồng.
- Chúng tôi dự báo doanh thu năm 2026 đạt 31,7 nghìn tỷ đồng (+9,8% svck) và LNST đạt 8,5 nghìn tỷ đồng (+33,9% svck), được hỗ trợ bởi giá cao su duy trì ở mức cao, tiếp tục ghi nhận thu nhập từ chuyển đổi.

Rủi ro: (1) Chậm trễ trong quá trình phê duyệt pháp lý chuyển đổi đất từ trồng cây cao su sang phát triển KCN có thể ảnh hưởng đến thời điểm ghi nhận doanh thu; và (2) Nhu cầu đối với cao su tự nhiên suy giảm trong bối cảnh kinh tế toàn cầu gặp nhiều thách thức.

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu thuần	25.421	22.138	26.242	28.939	34.713
Tăng trưởng DTT	-2,93%	-12,91%	18,54%	10,28%	19,95%
Biên lợi nhuận gộp	25,14%	22,42%	26,54%	29,88%	25,95%
NPATMI	3.882	2.623	3.989	5.625	7.761
EPS (VND)	807	646	1.207	1.588	2.126
Tăng trưởng EPS	-22,40%	-19,95%	86,79%	31,60%	33,87%
Nợ/VCSH (x)	0,14	0,12	0,12	0,05	0,04
Tỷ suất cổ tức (%)	1,1%	1,1%	1,1%	1,4%	1,4%
ROE	8,98%	6,14%	8,27%	10,15%	12,57%
P/E (x)	43,25	54,02	26,10	21,85	13,1
P/B (x)	2,61	2,54	2,16	1,82	1,51
EV/EBITDA	15,40	24,29	25,05	14,05	13,00

Nguồn: GVR, SSI Research

Ngô Thị Kim Thanh
Chuyên viên Phân tích cao cấp
thanhntk@ssi.com.vn

Giá CP - VND (5/8/26)	28.150
Vốn hóa (USDmn):	4.338
SLCP lưu hành (triệu cp):	4.000
KLGD TB 3 tháng (triệu cp):	2,6
Giá cao/thấp 52T (k VND):	45,8/24,9
GTGD TB 3 tháng (USDmn):	3,4
Tỷ lệ SHNN (%):	0,6
GTNN còn được mua (USDmn):	537,9
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):	96,8

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) được thành lập từ năm 1975. Ngày 26/12/2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa. VRG hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 1/6/2018. VRG hiện quản lý 394.782 ha diện tích trồng cao su, sản lượng bình quân 500.000 tấn cao su/năm - chiếm 30% tổng sản lượng cao su Việt Nam. Ngoài ra, VRG hiện có 5 công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp, 18 nhà máy sản xuất gỗ cao su, MDF và phát triển 11 KCN tại các công ty con, công ty liên kết.

Điểm nhấn KQKD

Tỷ đồng	1H26	1H25	YoY	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận	
					1H26	1H25
Doanh thu thuần	15.942	11.566	37,8%	48%		
Lợi nhuận gộp	4.503	3.445	30,7%		28,2%	29,8%
Lợi nhuận hoạt động	3.673	2.708	35,6%		23,0%	23,4%
EBIT	6.112	3.653	67,3%		38,3%	31,6%
EBITDA	7.528	4.906	53,4%		47,2%	42,4%
Lợi nhuận trước thuế	6.034	3.517	71,6%		37,8%	30,4%
Lợi nhuận ròng	5.069	2.934	72,8%	69%	31,8%	25,4%
Lợi nhuận ròng cổ đông công ty mẹ	4.539	2.631	72,5%		28,5%	22,7%

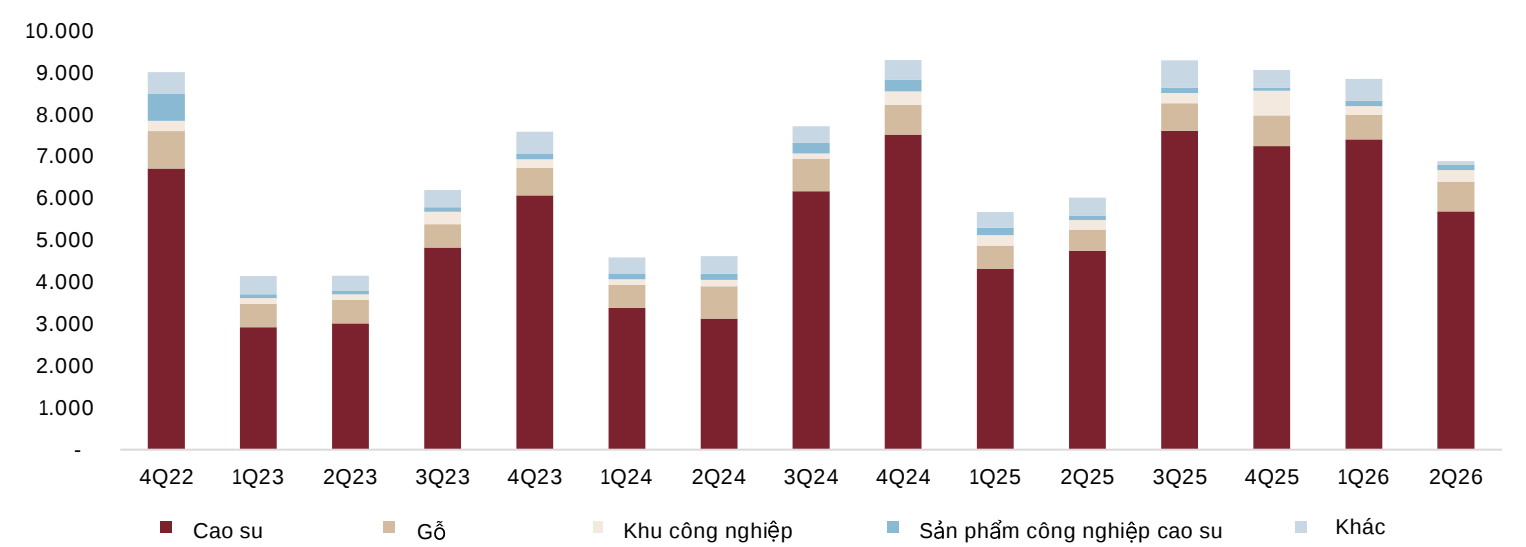
Nguồn: GVR, SSI Research

GVR ghi nhận lợi nhuận Q2/2026 cao kỷ lục trong vòng 5 năm qua, chủ yếu nhờ tăng trưởng mạnh từ mảng cốt lõi khai thác cao su tự nhiên cốt lõi, và đóng góp lợi nhuận từ thanh lý gỗ cao su và khoản đền bù đất cao su. Doanh thu thuần và LNST lần lượt đạt 7,09 nghìn tỷ đồng (+17,9% svck) và 2,5 nghìn tỷ đồng (+48,0% svck).

	1Q24	2Q24	3Q24	4Q24	1Q25	2Q25	3Q25	4Q25	1Q26	2Q26
Doanh thu										
1 Cao su	3.390	3.131	6.168	7.526	4.316	4.749	7.616	7.244	7.411	5.685
2 Gỗ	539	769	778	706	555	506	655	734	588	716
3 KCN	142	153	126	323	251	225	246	594	204	274
4 Sản phẩm công nghiệp cao su	134	144	248	281	175	109	125	67	127	121
5 Khác	380	425	397	465	379	428	653	425	520	612
Thu nhập từ đền bù đất cao su	3	48	5	50	1	84	131	171	380	817
Thu nhập từ thanh lý gỗ cao su	66	319	211	57	312	428	292	146	700	447
Biên lợi nhuận gộp										
1 Cao su	21,9%	24,7%	19,7%	33,8%	28,0%	26,2%	28,6%	30,1%	26,0%	30,4%
2 Gỗ	10,9%	8,2%	10,3%	18,4%	11,0%	11,7%	7,3%	45,9%	10,5%	15,6%
3 KCN	66,9%	68,0%	59,4%	56,2%	59,1%	63,6%	45,2%	50,3%	63,2%	44,2%
4 Sản phẩm công nghiệp cao su	42,5%	41,0%	58,6%	47,9%	33,4%	16,3%	4,3%	-65,7%	7,5%	9,9%
5 Khác	32,4%	28,9%	19,8%	17,9%	42,7%	37,9%	46,6%	75,7%	40,3%	53,6%

Lũy kế 6T2026, doanh thu và LNST lần lượt đạt 15,9 nghìn tỷ đồng (+27,8% svck) và 5,07 nghìn tỷ đồng (+72,8% svck), cho thấy đà tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ, được hỗ trợ bởi giá cao su duy trì ở mức cao cùng với đóng góp thu nhập từ hỗ trợ đền bù đất cao su.

Doanh thu theo mảng hoạt động từ Q4/2022 đến Q2/2026 của GVR (tỷ đồng)

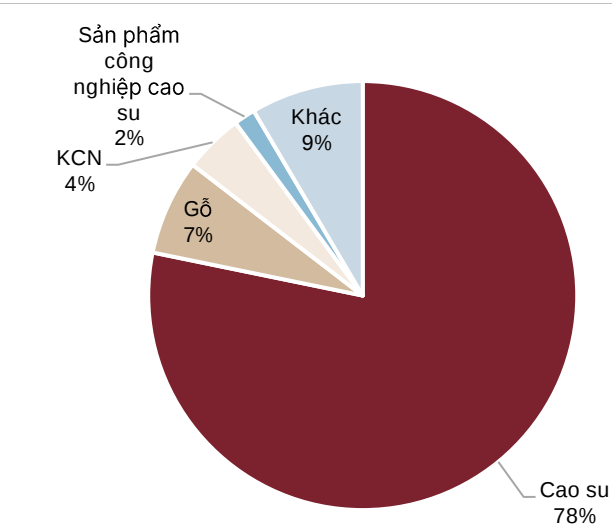


Nguồn: GVR

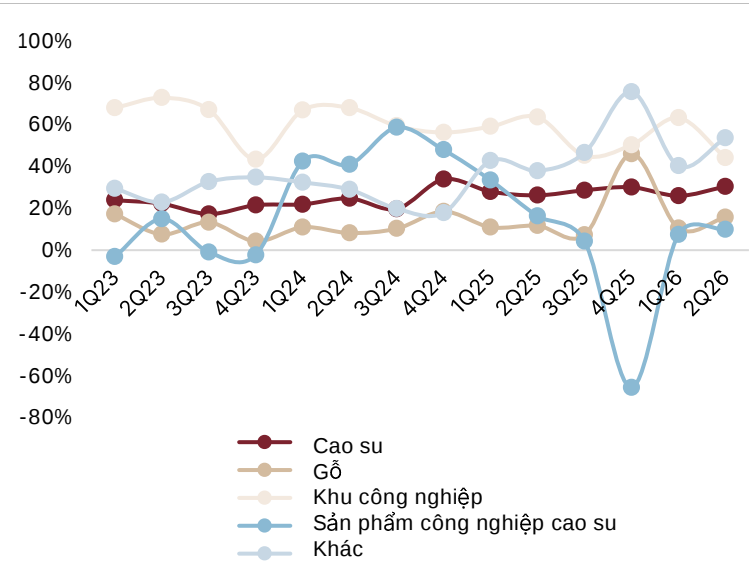
- Sản lượng tiêu thụ tiếp tục tăng mạnh trong Q2/2026 nhờ nguồn cung cao su tại Thái Lan bị thắt chặt.** Doanh thu mảng cao su tự nhiên đạt 5,6 nghìn tỷ đồng (+20% svck), chủ yếu nhờ sản lượng tiêu thụ tăng 12% lên 117.000 tấn, nhờ giải phóng lượng hàng tồn kho cuối năm trong bối cảnh nhu cầu từ Trung Quốc duy trì tích cực, trong khi nguồn cung từ Thái Lan suy giảm. Giá bán bình quân đạt 50,1 triệu đồng/tấn (+8% svck). Biên lợi nhuận gộp cải thiện lên 30% (+4% svck) chủ yếu nhờ giá bán tăng. Trong 6T2026, tổng sản lượng tiêu thụ đạt 262.000 tấn (+51% svck), hoàn thành hơn 47% kế hoạch cả năm của công ty.
- Doanh thu mảng chế biến gỗ cao su (MDF) tăng 42% svck từ mức nền thấp của năm trước.** Phần lớn sản phẩm MDF được tiêu thụ trong nước do cạnh tranh gia tăng trên thị trường xuất khẩu. MDF là nguyên liệu chính cho ngành sản xuất đồ nội thất và ngoại thất. Sản lượng gỗ đạt hơn 574.000 m³, trong khi biên lợi nhuận gộp đạt 16%, tăng 4 điểm % svck.

- **Thu nhập đền bù đất cao su tăng mạnh trong 6T2026**, đạt 817 tỷ đồng (gấp 8,7 lần svck), chủ yếu nhờ các khoản bồi thường giải phóng mặt bằng từ dự án VSIP 3 và các dự án tại khu vực Long Thành, Đồng Nai.
- **Màng khu công nghiệp tiếp tục tăng trưởng tích cực**. Doanh thu cho thuê đất khu công nghiệp từ các công ty con đạt 344 tỷ đồng (+22% svck), chủ yếu nhờ KCN Hiệp Thạnh (Tây Ninh cũ) bắt đầu vận hành thương mại từ Q1/2026. Biên lợi nhuận gộp đạt 44% (-19% svck), do các khu công nghiệp mới đi vào hoạt động có biên lợi nhuận thấp hơn so với các khu công nghiệp hiện hữu.

Cơ cấu doanh thu theo từng mảng trong Q2/2026



Biên lợi nhuận gộp (%) theo từng mảng trong Q1/2021-Q2/2026



Nguồn: GVR, SSI Research

Triển vọng

Chúng tôi dự báo doanh thu thuần năm 2026 đạt 31,7 nghìn tỷ đồng (+9,8% svck) và LNST đạt 8,5 nghìn tỷ đồng (+33,9% svck). Các giả định chính bao gồm:

Triển vọng giá cao su tích cực góp phần hỗ trợ biên lợi nhuận. Chúng tôi kỳ vọng giá cao su tiếp tục neo ở mức cao, qua đó củng cố triển vọng lợi nhuận màng cao su. Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên, nhu cầu toàn cầu năm 2026 dự kiến đạt 15,6 triệu tấn, vượt nguồn cung 15,2 triệu tấn. Đáng chú ý, diễn biến giá cao su hiện chịu ảnh hưởng lớn từ thị trường năng lượng và các yếu tố địa lý. Doanh thu màng cao su ước tính đạt 26,7 nghìn tỷ đồng (+12% svck), với sản lượng tiêu thụ dự kiến đạt 513.870 tấn (-4% svck) trong năm 2026. Biên lợi nhuận gộp kỳ vọng đạt 28%, tăng 2 điểm % svck.

Màng thanh lý cây cao su dự kiến đạt đỉnh trong 2026. Theo kế hoạch của GVR, tổng diện tích thanh lý dự kiến đạt 7.400 ha (+9,4% svck), với giá thanh lý bình quân khoảng 200 triệu đồng/ha. Riêng tại Đồng Nai, diện tích thanh lý dự kiến đạt 4.300 ha, tập trung chủ yếu tại các dự án hạ tầng kết nối với sân bay Long Thành. Chúng tôi ước tính doanh thu từ thanh lý cây cao su đạt khoảng 3.020 tỷ đồng (+174% svck).

Chuyển đổi đất mở ra tăng trưởng trong dài hạn. GVR đang đẩy nhanh các thủ tục phê duyệt cho 23.444 ha đất khu công nghiệp đến năm 2030, tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam. Năm 2026, chúng tôi dự báo thu nhập từ đền bù đất đạt 3,2 nghìn tỷ đồng (+875% svck), dựa trên giả định chuyển đổi 1.500 ha tại Đồng Nai và Bình Dương (cũ).

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu	26.226	25.483	22.138	26.242	30.903	34.713	37.357
% tăng trưởng doanh thu	24,20%	-2,83%	-13,13%	18,54%	17,76%	12,33%	7,62%
Lợi nhuận gộp	7.575	6.342	4.963	6.965	7.590	9.008	9.128
Biên lợi nhuận gộp	28,88%	24,89%	22,42%	26,54%	24,56%	25,95%	24,43%
Thu nhập tài chính	831	885	1.115	957	986	1.016	1.046
Chi phí tài chính	(716)	(696)	(618)	(465)	(325)	(309)	(294)
SG&A	(2.189)	(2.354)	(2.455)	(2.879)	(2.455)	(2.627)	(2.701)
Thu nhập khác	82	658	165	867	1.260	3.542	4.542
Lợi nhuận trước thuế	6.212	5.701	4.123	5.606	7.267	10.629	11.721
Lợi nhuận ròng	4.158	3.838	3.372	4.827	6.352	8.503	9.377
Tăng trưởng lợi nhuận ròng (%)	10,29%	-7,70%	-12,14%	43,14%	31,60%	33,87%	10,28%
EPS (VND)	1.040	807	646	1.207	1.588	2.126	2.344

Nguồn GVR, SSI Research

Luận điểm đầu tư

GVR hiện đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 2026 là 13,1x, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 3 năm là 21,7x. Chúng tôi duy trì quan điểm tích cực đối với GVR, nhờ quỹ đất cao su lớn nhất cả nước, với tổng diện tích 377.797 ha tập trung tại các tỉnh trọng điểm phía Nam như Bình Dương (cũ), Đồng Nai, Bà Rịa–Vũng Tàu (cũ) và Tây Ninh. Việc chuyển đổi hơn 23.000 ha đất cao su sang phát triển khu công nghiệp (KCN) sẽ mở ra giai đoạn tăng trưởng mới cho công ty. Bên cạnh đó, tính đến cuối Q2/2026, GVR ghi nhận tiền mặt ròng đạt 26,2 nghìn tỷ đồng, tương đương 23,6% giá trị vốn hóa, cho thấy nền tảng tài chính vững chắc. Sau khi giá cổ phiếu đã giảm 24,5% kể từ báo cáo trước, và KQKD Q2 vượt kỳ vọng, chúng tôi nâng khuyến nghị từ TRUNG LẬP lên **KHẢ QUAN**, với giá mục tiêu **36.200 đồng/cổ phiếu**, tương đương tiềm năng tăng giá là **29%**.

Rủi ro: (1) Chậm trễ trong quá trình phê duyệt pháp lý chuyển đổi đất từ trồng cây cao su sang phát triển KCN có thể ảnh hưởng đến thời điểm ghi nhận doanh thu; và (2) Nhu cầu đối với cao su tự nhiên suy giảm trong bối cảnh kinh tế toàn cầu gặp nhiều thách thức.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	5.779	7.886	10.687	14.588
+ Đầu tư ngắn hạn	13.952	14.563	14.709	14.856
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2.539	2.587	2.065	2.065
+ Hàng tồn kho	4.352	6.671	7.005	7.355
+ Tài sản ngắn hạn khác	1.048	1.251	1.351	1.459
Tổng tài sản ngắn hạn	27.670	32.960	35.816	40.323
+ Các khoản phải thu dài hạn	608	498	523	549
+ GTCL Tài sản cố định	35.337	35.439	36.148	36.871
+ Bất động sản đầu tư	1.287	1.246	1.209	1.172
+ Tài sản dài hạn dở dang	9.067	7.588	7.892	8.207
+ Đầu tư dài hạn	2.688	2.530	2.657	2.789
+ Tài sản dài hạn khác	6.727	6.250	5.938	5.641
Tổng tài sản dài hạn	55.713	53.553	54.365	55.229
Tổng tài sản	83.384	86.513	90.181	95.552
+ Nợ ngắn hạn	11.594	11.352	10.217	9.195
Trong đó: vay ngắn hạn	4.075	1.391	1.113	890
+ Nợ dài hạn	13.392	12.560	12.309	12.063
Trong đó: vay dài hạn	2.964	1.586	1.507	1.431
Tổng nợ phải trả	24.987	23.912	22.526	21.258
+ Vốn góp	40.000	40.000	40.000	40.000
+ Thặng dư vốn cổ phần	326	401	401	401
+ Lợi nhuận chưa phân phối	6.241	7.334	8.434	9.699
+ Quỹ khác	53	48	58	69
Vốn chủ sở hữu	58.397	62.601	67.655	74.294
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	83.384	86.513	90.181	95.552
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	3.411	6.835	8.202	9.842
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-1.196	1.182	1.300	1.430
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-1.013	-6.092	-6.701	-7.371
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.202	1.925	2.801	3.901
Tiền đầu kỳ	5.564	5.778	7.886	10.687
Tiền cuối kỳ	5.778	7.886	10.687	14.588
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	2,39	2,90	3,51	4,39
Hệ số thanh toán nhanh	2,01	2,32	2,82	3,59
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,50	0,69	1,05	1,59
Nợ ròng / EBITDA	0,21	-0,47	-0,60	-0,85
Khả năng thanh toán lãi vay	12,82	25,44	35,37	40,90
Ngày phải thu	35,3	32,6	21,7	20,2
Ngày phải trả	8,5	6,3	5,5	5,4
Ngày tồn kho	82,4	120,0	99,5	95,1
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,70	0,72	0,75	0,78
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,14	0,13	0,11	0,10
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,43	0,38	0,33	0,29
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,05	0,04	0,03
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,07	0,02	0,02	0,01

Nguồn: GVR, SSI Research

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	26.242	28.939	34.713	37.357
Giá vốn hàng bán	-19.277	-20.293	-25.705	-28.230
Lợi nhuận gộp	6.965	8.646	9.008	9.128
Doanh thu hoạt động tài chính	957	1.073	1.016	1.015
Chi phí tài chính	-465	-312	-309	-294
Thu nhập từ các công ty liên kết	162	198	198	198
Chi phí bán hàng	-554	-485	-495	-505
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-2.325	-2.746	-2.132	-2.196
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.740	6.366	7.087	7.179
Thu nhập khác	867	1.260	3.542	4.542
Lợi nhuận trước thuế	5.606	7.626	10.629	11.721
Lợi nhuận ròng	4.827	6.352	8.503	9.377
Lợi nhuận chia cho cổ đông	3.989	5.625	7.761	8.620
Lợi ích của cổ đông thiểu số	838	728	743	757
EPS cơ bản (VND)	1.207	1.588	2.126	2.344
Giá trị sổ sách (VND)	14.599	15.650	16.914	18.574
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	400	400	400	400
EBIT	5.959	7.938	10.939	12.015
EBITDA	5.959	10.396	13.427	14.503
Tăng trưởng				
Doanh thu	18,5%	10,3%	20,0%	7,6%
EBITDA	-15,8%	74,5%	29,2%	8,0%
EBIT	29,8%	33,2%	37,8%	9,8%
Lợi nhuận ròng	43,1%	31,6%	33,9%	10,3%
Vốn chủ sở hữu	6,2%	7,2%	8,1%	100,0%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	100,0%
Tổng tài sản	6,8%	3,8%	4,2%	100,0%
Định giá				
P/E	26,1	21,9	13,1	11,9
P/B	2,2	1,8	1,6	1,5
Giá/Doanh thu	1,4	1,0	0,8	0,8
Tỷ suất cổ tức	1,1%	1,4%	1,4%	1,4%
EV/EBITDA	25,1	14,1	13,0	13,2
EV/Doanh thu	6,5	3,9	3,3	3,5
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	26,5%	29,9%	25,9%	24,4%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	18,1%	22,0%	20,4%	19,2%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	18,4%	21,9%	24,5%	25,1%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	2,1%	1,7%	1,4%	1,4%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	8,9%	9,5%	6,1%	5,9%
ROE	8,3%	10,1%	12,6%	12,6%
ROA	4,8%	6,5%	8,6%	9,0%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư		
Phạm Lưu Hưng		
Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư		
hungpl@ssi.com.vn		
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711		
Chiến lược thị trường	Phân tích Ngành Cao su	Dữ liệu
Đào Minh Châu	Ngô Thị Kim Thanh	Nguyễn Thị Anh Thư
Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư	Chuyên viên phân tích cao cấp	Chuyên viên hỗ trợ
chaudm@ssi.com.vn	thanhtk@ssi.com.vn	thunta2@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688	SĐT: (+84 – 28) 3636 3688	SĐT: (+84 – 24) 3936 6321